TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2020
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị LY Vũ

2. Ông Lê Văn Cư

- Thư kY phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư kY Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – SN: 1967

Địa chỉ: Thôn B, xã S Bắc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lê Văn D – SN: 1967

Địa chỉ: Thôn B, xã S Bắc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu khoảng 02 tháng thì sống chung với nhau vào năm 1988. Đến năm 2000 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S Bắc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu,

nhưng sau đó ông D thường xuyên đánh đập nhưng bà L vẫn cố gắng chịu đựng và bỏ qua. Đến năm 2019, ông D đánh đập bà L rất nặng và còn đập phá đồ đạc trong gia đình, nay bà L không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông D, mục đích hôn nhân không đạt được nên nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà L và ông D có 04 con chung là Lê Thị G – SN: 1988, Lê Văn Y – SN: 1992, Lê Thị T – SN: 1993, Lê Thị TH – SN: 1999. Các con đều đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Văn D để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông D có mặt và thống nhất như lời trình bày của bà L, đồng Y ly hôn.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu Y kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lY vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì;

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L;

- Về con chung: Các con của bà L và ông D đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét;

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn D, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông D đăng kY hộ khẩu thường trú tại xã S Bắc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ

tục tống đạt thông báo về phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với ông D theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu rồi sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1988, sau đó có đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S Bắc, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên vào ngày 15/6/2000. Trong quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc, sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông D hay nhậu nhẹc say xỉn rồi cãi vã, nhiều lần đánh đập bà L nhưng bà cố gắng chịu đựng, cũng không báo cáo lên chính quyền địa phương. Quá trình thụ lY, giải quyết, Tòa án đã xác minh ông Nguyễn Nhất Hương – Trưởng thôn B, xã S Bắc thì được biết ông D thường xuyên nhậu nhẹc, say xỉn, nhiều lần nghe thấy vợ chồng bà L, ông D xảy ra to tiếng, cãi vã. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông D không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3]. Về con chung: Bà L và ông D có 04 con chung là Lê Thị G – SN: 1988, Lê Văn Y – SN: 1992, Lê Thị T – SN: 1993, Lê Thị TH – SN: 1999. Các con đều đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông D không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà L phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lY và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn D.

[2]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lY và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ

(*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2015/0011348 ngày 25/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[3]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- TAND tỉnh PY;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã S Bắc;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Long

Các hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
LÊ VĂN CƯ NGUYỄN THỊ LY VŨ	**NGUYỄN VĂN LONG**